



Phòng thi: 01

Phần thi: Kiến thức chung

Ngày thi: 30/12/2021

STT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Số tờ	Ký tên	Điểm số	Điểm chữ
1	21.001	Bùi Văn Phương	5/2/1982	Nam	TC-KT				
2	21.002	Lê Thị Phương Linh	5/20/1989	Nữ	TC-KT	01	Linh	3.5	Ba năm
3	21.003	Hồ Thị Như Thúy	10/29/1998	Nữ	TC-KT	01	Thúy	2.8	Hai năm
4	21.004	Võ Thị Yến Nhi	1/30/1995	Nữ	TC-KT	01	Yến	3.2	Ba năm
5	21.005	Lê Thị Tươi	9/9/1991	Nữ	TC-KT	01	Tươi	4.5	Bốn năm
6	21.006	Võ Thị Tiến	11/21/1983	Nữ	VP-TK	01	Tiến	3.5	Ba năm
7	21.007	Võ Thành Hưng	1/7/1986	Nam	VP-TK	01	Hưng	3.5	Ba năm
8	21.008	Nguyễn Thị Anh Xuân	1/24/1993	Nữ	VP-TK	01	Anh	2.5	Hai năm
9	21.009	Bùi Thị Hồng Sen	6/6/1984	Nữ	VP-TK	01	Sen	3.3	Ba năm
10	21.010	Nhữ Nguyễn Minh Oanh	5/6/1998	Nữ	VP-TK				
11	21.011	Lê Đan Mạch	9/2/1991	Nam	VP-TK	01	Đan	6.8	Sáu năm
12	21.012	Trần Thanh Sỹ	4/5/1982	Nam	VP-TK	01	Sỹ	2.4	Hai năm
13	21.013	Hồ Sỹ Khánh	4/23/1999	Nam	VP-TK	01	Khánh	5.3	Năm ba
14	21.014	Âu Đắc Tâm	1/8/1985	Nữ	VP-TK				
15	21.015	Bùi Văn Châu	2/7/1979	Nam	VP-TK	01	Châu	1.7	Một năm
16	21.016	Nguyễn Đình Thị Ngọc Oanh	11/19/1985	Nữ	VP-TK	01	Ngọc	3.4	Ba năm
17	21.017	Nguyễn Thị Thúy	11/11/1985	Nữ	VP-TK	01	Thúy	3.8	Ba năm
18	21.018	Trịnh Nguyễn An Thương	11/18/1983	Nữ	VP-TK				
19	21.019	Trần Thị Thịnh	7/24/1985	Nữ	VP-TK	01	Thịnh	5.2	Năm ba
20	21.020	Trần Thị Kim Ngọc	7/12/1980	Nữ	VP-TK	01	Kim	3.0	Ba năm
21	21.021	Nguyễn Văn Thắng	8/30/1989	Nam	VP-TK	01	Thắng	3.5	Ba năm

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

Giám thị 1:

Nguyễn Thị Quý

Giám khảo 1:

Phan Thị Thy

Trưởng ban Chấm thi

Giám thị 2:

Lý Thị Thuận

Giám khảo 2:

Đỗ Thị Huyền

Nguyễn Văn Linh

UBND THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CÔNG CHỨC
CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

NĂM 2021

Phòng thi: 02

Phần thi: Kiến thức chung

Ngày thi: 30/12/2021

B01 - P33

STT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Số tờ	Ký tên	Điểm số	Điểm chữ
1	21.022	Nguyễn Thị Quyên	11/9/1979	Nữ	VH-XH	01		3,8	Ba tám
2	21.023	Lã Duy Khánh	27/2/1990	Nam	VH-XH	01		4,2	Bốn hai
3	21.024	Nguyễn Thị Thảo Trang	20/8/1993	Nữ	VH-XH	01		2,0	Hai chẵn
4	21.025	Nguyễn Thị Phương	12/6/1978	Nữ	VH-XH	01		3,2	Ba hai
5	21.026	Võ Thị Thanh Trúc	10/12/1987	Nữ	VH-XH	01		2,5	Hai năm
6	21.027	Huỳnh Thị Anh Thư	13/8/1989	Nữ	VH-XH	01		2,5	Hai năm
7	21.028	Nguyễn Văn Tài	05/4/1993	Nam	VH-XH				Vắng
8	21.029	Phan Minh Thy	15/5/1996	Nam	VH-XH	01		4,2	Bốn hai
9	21.030	Nguyễn Hữu Thành	22/02/1991	Nam	VH-XH	01		3,8	Ba tám
10	21.031	Nguyễn Thị Phương Nhung	10/01/1990	Nữ	VH-XH				Vắng
11	21.032	Đào Thị Lệ Thu	30/4/1986	Nữ	VH-XH	01		5,0	Năm
12	21.033	Nguyễn Trần Đăng Khoa	09/6/1997	Nam	ĐC-XD	01		2,3	Hai ba
13	21.034	Phùng Văn Lâm	30/6/1988	Nam	ĐC-XD	01		6,8	Sáu tám
14	21.035	Ngô Thị Thơ	11/3/1995	Nữ	ĐC-XD				Vắng
15	21.036	Võ Nhật Tiến	26/3/1994	Nam	ĐC-XD	01		5,3	Năm ba
16	21.037	Lê Huy Phúc	28/5/1988	Nam	ĐC-XD	01		3,3	Ba ba
17	21.038	Lê Thị Thanh Lan	19/9/1993	Nữ	ĐC-XD	01		3,0	Ba
18	21.039	Trần Ngọc Hưng	20/11/1987	Nam	ĐC-XD	01		4,3	Bốn ba
19	21.040	Ngô Quỳnh Như	20/8/1993	Nữ	ĐC-XD	01		5,5	Năm năm
20	21.041	Nguyễn Thanh Hoài	21/10/1988	Nam	ĐC-XD				Vắng

Số bài thi:16.....

Số tờ giấy thi:.....16.....

Giám thị 1:

Bùi Đình Hồng Linh

Giám khảo 1:

Phan Hoài Đạt

Trưởng ban Chấm thi

Huỳnh Bửu Linh Chi

Giám thị 2:

Mai Thị Thủy

Giám khảo 2:

Đỗ Thị Huyền Trang



**UBND THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CÔNG CHỨC
CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
NĂM 2021**

Phòng thi: **01**
Phần thi: **Tin học**
Ngày thi: **30/12/2021**

STT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Số tờ	Ký tên	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	21.001	Bùi Văn Phương	5/2/1982	Nam	TC-KT	/	/	/	/	✓
2	21.002	Lê Thị Phương Linh	5/20/1989	Nữ	TC-KT	01	Link	3,3	Ba ba	
3	21.003	Hồ Thị Như Thúy	10/29/1998	Nữ	TC-KT	01	Th	5,0	Năm	
4	21.004	Võ Thị Yên Nhi	1/30/1995	Nữ	TC-KT	01	Yan	5,3	Năm ba	
5	21.005	Lê Thị Tươi	9/9/1991	Nữ	TC-KT	01	Tele	5,0	Năm	
6	21.006	Võ Thị Tiến	11/21/1983	Nữ	VP-TK	/	/	/	/	Miễn thi (Trung cấp Tin học)
7	21.007	Võ Thành Hưng	1/7/1986	Nam	VP-TK	01	Th	5,0	Năm	
8	21.008	Nguyễn Thị Anh Xuân	1/24/1993	Nữ	VP-TK	01	Th	4,6	Bốn sáu	
9	21.009	Bùi Thị Hồng Sen	6/6/1984	Nữ	VP-TK	01	Th	3,3	Ba ba	
10	21.010	Nhữ Nguyễn Minh Oanh	5/6/1998	Nữ	VP-TK	/	/	/	/	✓
11	21.011	Lê Đan Mạch	9/2/1991	Nam	VP-TK	01	Th	6,3	Sáu ba	
12	21.012	Trần Thanh Sỹ	4/5/1982	Nam	VP-TK	01	Th	4,3	Bốn ba	
13	21.013	Hồ Sỹ Khánh	4/23/1999	Nam	VP-TK	01	Th	6,6	Sáu sáu	
14	21.014	Âu Đắc Tâm	1/8/1985	Nữ	VP-TK	/	/	/	/	✓
15	21.015	Bùi Văn Châu	2/7/1979	Nam	VP-TK	01	Th	2,6	Hai sáu	
16	21.016	Nguyễn Đình Thị Ngọc	11/19/1985	Nữ	VP-TK	01	Th	4,3	Bốn ba	
17	21.017	Nguyễn Thị Thúy	11/11/1985	Nữ	VP-TK	/	/	/	/	Miễn thi (Kỹ sư CNTT)
18	21.018	Trịnh Nguyễn An Thương	11/18/1983	Nữ	VP-TK	/	/	/	/	Miễn thi (Trung cấp Tin học)
19	21.019	Trần Thị Thịnh	7/24/1985	Nữ	VP-TK	01	Th	4,0	Bốn	
20	21.020	Trần Thị Kim Ngọc	7/12/1980	Nữ	VP-TK	01	Th	6,0	Sáu	
21	21.021	Nguyễn Văn Thắng	8/30/1989	Nam	VP-TK	01	Th	5,0	Năm	

Số bài thi: 15

Số tờ giấy thi: 15

Giám thị 1:

Giám khảo 1:

Trưởng ban Chấm thi

Nguyễn Thị Quyên

Lê Thị Ngọc Thêm

Nguyễn Văn Linh Chi

Giám thị 2:

Giám khảo 2:

Lý Thị Thu

Nguyễn Thị Ái Anh

UBND THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CÔNG CHỨC
CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
NĂM 2021

Phòng thi: 02
Phần thi: Tin học
Ngày thi: 30/12/2021

STT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Số tờ	Ký tên	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	21.022	Nguyễn Thị Quyên	11/9/1979	Nữ	VH-XH	01	<i>[Signature]</i>	2,0	Hai	
2	21.023	Lã Duy Khánh	27/2/1990	Nam	VH-XH	✓	✓	✓	✓	Miễn thi (Trung cấp Tin học)
3	21.024	Nguyễn Thị Thảo Trang	20/8/1993	Nữ	VH-XH	01	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	
4	21.025	Nguyễn Thị Phương	12/6/1978	Nữ	VH-XH	01	<i>[Signature]</i>	3,6	Ba sáu	
5	21.026	Võ Thị Thanh Trúc	10/12/1987	Nữ	VH-XH	01	<i>[Signature]</i>	4,3	Bốn ba	
6	21.027	Huỳnh Thị Anh Thư	13/8/1989	Nữ	VH-XH	01	<i>[Signature]</i>	3,6	Ba sáu	
7	21.028	Nguyễn Văn Tài	05/4/1993	Nam	VH-XH	✓	✓	✓	✓	Vắng
8	21.029	Phan Minh Thy	15/5/1996	Nam	VH-XH	01	<i>[Signature]</i>	5,3	Năm ba	
9	21.030	Nguyễn Hữu Thành	22/02/1991	Nam	VH-XH	01	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	
10	21.031	Nguyễn Thị Phương Nhung	10/01/1990	Nữ	VH-XH	✓	✓	✓	✓	Vắng
11	21.032	Đào Thị Lệ Thu	30/4/1986	Nữ	VH-XH	01	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	
12	21.033	Nguyễn Trần Đăng Khoa	09/6/1997	Nam	ĐC-XD	01	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	
13	21.034	Phùng Văn Lâm	30/6/1988	Nam	ĐC-XD	01	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	
14	21.035	Ngô Thị Thơ	11/3/1995	Nữ	ĐC-XD	✓	✓	✓	✓	Vắng
15	21.036	Võ Nhật Tiến	26/3/1994	Nam	ĐC-XD	01	<i>[Signature]</i>	6,3	Sáu ba	
16	21.037	Lê Huy Phúc	28/5/1988	Nam	ĐC-XD	01	<i>[Signature]</i>	3,6	Ba sáu	
17	21.038	Lê Thị Thanh Lan	19/9/1993	Nữ	ĐC-XD	01	<i>[Signature]</i>	3,6	Ba sáu	
18	21.039	Trần Ngọc Hưng	20/11/1987	Nam	ĐC-XD	01	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	
19	21.040	Ngô Quỳnh Như	20/8/1993	Nữ	ĐC-XD	01	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	
20	21.041	Nguyễn Thanh Hoài	21/10/1988	Nam	ĐC-XD	✓	✓	✓	✓	Vắng

Số bài thi: ...15..... Số tờ giấy thi: ...15.....

Giám thị 1:

[Signature]
Bùi Đức Cường Linh

Giám khảo 1:

[Signature]
Lê Thị Ngọc Thiên

Trưởng ban Chấm thi

[Signature]
Nguyễn Văn Bình Linh Chi

Giám thị 2:

[Signature]
Mai Thị Thủy

Giám khảo 2:

[Signature]
Nguyễn Thị Ái Anh